

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/DS - ST
Ngày: 15/12/2020
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoài Bảo
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Lê Đức Dũng.
 2. Bà Lại Thị Thúy Hằng.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Thái Học, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Cẩm Mỹ.
- *Đại diện Viện kiểm sát Huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-DS ngày 16/11/2020 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Bà H T Đ, sinh năm: 1963.
Địa chỉ: Số 66, ấp 1, xã X, Huyện C, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Ông P V H, sinh năm 1973.
Bà C T T M, sinh năm: 1977.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông P V H.
Cùng địa chỉ: Ấp 10, xã X, Huyện C, tỉnh Đồng Nai.
(bà Đ, ông H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 12/5/2020, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà H T Đ trình bày: Do có quen biết nên bà có cho vợ chồng ông P V H và bà C T T M vay các khoản tiền sau:

Khoản tiền thứ 1: Vào năm 2015 bà mua 50 tấn hạt điều của vợ chồng ông H, bà M, sau khi mua do không có kho chứa nên bà gửi lại tại kho chứa hàng của vợ chồng ông H, bà M. Các bên thỏa thuận như sau: Bà mua của vợ chồng ông H, bà M 50 tấn hạt điều loại 3 chấm, với giá 1.500.000.000 đồng, sau khi giao đủ tiền bà không nhận hàng mà gửi hàng cho ông H, bà M giữ tại kho chứa hàng của mình, khi nào bà muốn bán thì ông H, bà M phải giao lại hàng cho bà, nếu ông H, bà M có tiền mua lại thì bà sẽ bán lại với giá thị trường tại thời điểm bán. Đến khoảng tháng 10, 11 năm 2015 khi bà xuống gặp vợ chồng ông H, bà M để lấy hàng mà bà gửi để đem đi bán thì vợ chồng ông H, bà M đã tự ý bán hàng mà bà gửi cho vợ chồng ông H, bà M cho người khác. Lúc này do giá hạt điều 50 tấn là 2.000.000.000 đồng, nên ông H, bà M nói với bà sẽ chuyển khoản tiền này thành tiền vay, do đó, các bên quy ra thành tiền vay là 2.000.000.000 đồng và ông H, bà M hẹn lại khi nào làm ăn có tiền sẽ trả cho bà. Ngày 01/3/2016 bà với vợ chồng ông H, bà M đến phòng công chứng Suối Cát để ký hợp đồng vay tiền, trong hợp đồng có nội dung vợ chồng ông H, bà M vay số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay là từ ngày 01/3/2016 đến ngày 06/4/2016, lãi suất thỏa thuận theo mức lãi suất Ngân hàng Sacombank- Phòng giao dịch Xuân Lộc tại thời điểm ký hợp đồng. Khoản tiền này ông H, bà M chưa thanh toán cho bà khoản tiền gốc và lãi nào cả.

Khoản vay thứ 2: Vào năm 2016, do ông H, bà M có nhu cầu mở công ty kinh doanh, xây dựng nhà máy chế biến hạt điều, nên có vay của bà 1.630.000.000 đồng, khi vay tiền các bên có làm hợp đồng vay tiền có công chứng tại phòng công chứng Suối Cát vào ngày 01/3/2016, trong hợp đồng ghi lãi suất thỏa thuận nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất, các bên thỏa thuận miệng với nhau là tiền lãi tính theo mức lãi suất 3% một tháng, thời hạn vay từ ngày 01/3/2016 đến ngày 06/4/2016. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay ông H, bà M chưa thanh toán cho tôi khoản tiền gốc và lãi nào cả.

Đến ngày 01/3/2019 vợ chồng ông H, bà M có lên gặp bà để làm lại hợp đồng vay tiền mới để chốt lại số tiền vay gốc và tiền lãi chưa thanh toán, hợp đồng vay tiền này thì bà là người viết giấy, sau đó vợ chồng ông H, bà M ký tên vào. Trong hợp đồng vay tiền ghi nội dung vợ chồng ông H, bà M vay bà số tiền 4.936.800.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay từ ngày 01/3/2019 đến ngày 01/3/2020, lãi suất thỏa thuận 1% một tháng. Số tiền 4.936.800.000 đồng ghi trong hợp đồng vay tiền ngày 01/3/2019 bao gồm: tiền gốc của khoản vay 1.630.000.000 đồng, tiền gốc của khoản vay quy từ mua bán hạt điều là 2.000.000.000 đồng và số tiền 1.306.800.000 đồng là tiền lãi trên hai khoản tiền gốc trên tính từ ngày 01/3/2016 cho đến ngày 01/3/2019 với mức lãi suất 1% một tháng. Từ ngày 01/3/2019 cho đến nay thì vợ chồng ông H, bà M có thanh toán cho bà được 32.000.000 đồng tiền lãi, số tiền này vợ chồng ông H, bà M thanh toán cho bà nhiều lần, tuy nhiên khi thanh toán không làm giấy tờ gì cả.

Bà yêu cầu ông P V H và bà C T T M thanh toán tiền vay 4.936.800.000 đồng theo như hợp đồng vay tiền mà các bên đã ký vào ngày 01/3/2019 và tiền lãi

từ ngày 01/3/2019 cho đến khi kết thúc vụ án với mức lãi suất 1.66 % một tháng trên số tiền 4.936.800.000 đồng, khấu trừ đi số tiền 32.000.000 đồng tiền lãi mà ông H, bà M đã thanh toán cho bà.

Tuy nhiên tại phiên tòa, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng ông H, bà M thanh toán cho bà số tiền gốc 3.630.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 01/3/2016 cho đến ngày 01/3/2019 là 1.306.800.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/3/2019 cho đến nay với mức lãi suất 1% một tháng trên số tiền 3.630.000.000 đồng, khấu trừ đi số tiền 32.000.000 đồng tiền lãi mà ông H, bà M đã thanh toán cho bà.

Tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn và người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn là ông P V H trình bày: Vợ chồng ông bà bắt đầu vay tiền của bà Đ từ năm 2013, những lần này ông bà vay tiền bà Đ để làm ăn, cứ vay rồi trả. Đến năm 2014, vợ chồng ông có vay của bà Đ 1.000.000.000 đồng để mua bán hạt điều, lúc vay các bên có làm giấy tờ nhưng ông không có giữ giấy này, khi vay thỏa thuận lãi suất cứ 1.000.000 đồng thì trả lãi 3.000 đồng một ngày, thỏa thuận 10 ngày sau khi vay sẽ thanh toán hết cả gốc và lãi, nếu quá 10 ngày không có tiền để thanh toán tiền gốc thì mang tiền lãi đến thanh toán, vợ chồng ông đã thanh toán cho bà Đ được khoảng 14 tháng tiền lãi theo thỏa thuận trên, khi thanh toán tiền lãi ông với bà Đ không làm giấy tờ gì cả. Đến khoảng tháng 9/2015 thì ông không có khả năng thanh toán tiền cho bà Đ nữa.

Ngoài ra, bà Đ với vợ chồng ông còn có mua bán hạt điều, cà phê với nhau, khi vợ chồng ông mua hạt điều hay cà phê về thì bà Đ gọi hỏi giá, sau khi thống nhất giá cả, nếu bà Đ đồng ý thì mua hạt điều của vợ chồng ông, tuy nhiên bà Đ không nhận hàng mà gửi lại cho vợ chồng ông cất giữ, sau đó nếu giá hạt điều hay cà phê tăng thì bà Đ với vợ chồng ông lại thống nhất giá cả với nhau, nếu bà Đ đồng ý thì bán lại hạt điều hay cà phê này cho ông. Khoảng tháng 8/2014 bà Đ bán hạt điều lại cho vợ chồng ông, lúc này các bên thống nhất với nhau 50 tấn hạt điều với giá 2.000.000.000 đồng, nhưng lúc đó vợ chồng ông không có tiền để thanh toán cho bà Đ, nên vợ chồng ông đề nghị bà Đ cho vợ chồng ông nợ lại, bà Đ đồng ý cho vợ chồng ông nợ và thỏa thuận cHển tiền mua hạt điều này sang tiền vay, đồng thời cũng thỏa thuận lãi suất là cứ 1.000.000 đồng thì trả tiền lãi 3.000 đồng một ngày. Vợ chồng ông thanh toán tiền lãi đến khoảng tháng 9/2015 thì không có khả năng thanh toán tiền lãi cho bà Đ nữa.

Từ khoảng tháng 9/2015 đến tháng 2/2016 thì bà Đ tổng kết số tiền lãi của hai khoản tiền gốc trên mà vợ chồng ông không thanh toán được thành số tiền lãi là 630.000.000 đồng. Vào ngày 06/02/2016 sau thi thống nhất thì bà Đ với vợ chồng ông có ra phòng công chứng để làm văn bản thỏa thuận việc vay nợ, các bên làm hai văn bản, một văn bản ghi số tiền nợ 1.630.000.000 đồng và một văn bản ghi số tiền nợ 2.000.000.000 đồng, trong hai văn bản này đều có ghi thỏa thuận lãi suất theo ngân hàng. Ngoài ra trong ngày 06/02/2016 vợ chồng ông còn

viết một giấy vay tiền cho bà Đ, nội dung vợ chồng ông vay bà Đ số tiền 3.630.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 10/3/2016. Sau đó tôi có thanh toán cho bà Đ thêm mấy chục triệu, nhưng số tiền cụ thể tôi không nhớ, cũng không ghi giấy tờ gì cả.

Đến năm 2019 thì vợ chồng ông xuống nhà của bà Đ để làm lại giấy vay tiền, giấy vay tiền do bà Đ viết sẵn, sau đó vợ chồng ông ký vào. Hợp đồng vay tiền bà Đ cung cấp cho Tòa án đúng là chữ ký và chữ viết họ tên của vợ chồng ông. Các bên viết giấy để thống nhất lại số tiền nợ và tiền lãi, vợ chồng ông xác nhận số tiền nợ của bà Đ là 4.936.800.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 3.630.000.000 đồng, còn lại 1.306.800.000 đồng là tiền lãi, ngoài ra vợ chồng ông cũng thống nhất thời hạn thanh toán là ngày 01/3/2020, và sẽ thanh toán cho bà Đ tiền lãi với mức lãi suất 1% một tháng trên số tiền 4.936.800.000 đồng. Từ khi viết giấy cho đến nay vợ chồng ông có thanh toán cho bà Đ một số tiền, nhưng ông không nhớ cụ thể là bao nhiêu, thanh toán tiền gốc hay lãi ông không nhớ rõ vì khi thanh toán không làm giấy tờ.

Vợ chồng ông đồng ý thanh toán cho bà Đ số tiền 4.936.800.000 đồng mà các bên đã chốt vào ngày 01/3/2019. Còn tiền lãi suất mà bà Đ yêu cầu từ ngày 01/3/2019 cho đến nay với mức lãi suất 1.% một tháng trên số tiền 3.620.000.000 đồng thì ông đề nghị bà Đ cho ông không phải thanh toán số tiền lãi này vì hoàn cảnh ông đang khó khăn. Đối với việc bà Đ tính lãi suất 1% một tháng thì ông không có ý kiến, vì đây là mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận với nhau.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Gồm Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp được nêu trong thông báo thụ lý vụ án số 76/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2020, 01 bản chính hợp đồng vay tiền với số tiền ghi trong hợp đồng là 4.936.800.000 đồng, 01 hợp đồng mua bán hạt điều (bản phô tô); bị đơn cung cấp bản chính 01 giấy hợp đồng vay tiền với số tiền 3.630.000.000 đồng, 01 hợp đồng vay tiền ngày 01/3/2016 với số tiền 1.630.000.000 đồng; 01 hợp đồng vay tiền ngày 01/3/2016 với số tiền 2.000.000.000 đồng, giấy phép kinh doanh, giấy ủy quyền; bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự, công văn trả lời của phòng tài chính kế hoạch Hện Cẩm Mỹ và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng. Việc thu thập chứng cứ của Tòa án đầy đủ. Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vay gốc và lãi, do đó quan hệ tranh chấp trong vụ án là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại Hện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Hện Cẩm Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà H T Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn ông P V H và bà C T T M thanh toán cho bà số tiền gốc 3.630.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 01/3/2016 cho đến ngày 01/3/2019 là 1.306.800.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/3/2019 cho đến nay với mức lãi suất 1% một tháng trên số tiền 3.630.000.000 đồng, khấu trừ đi số tiền 32.000.000 đồng tiền lãi mà ông H, bà M đã thanh toán cho bà. Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông P V H chỉ đồng ý thanh toán cho bà Đ số tiền 4.936.800.000 đồng mà các bên đã chốt vào ngày 01/3/2019. Còn tiền lãi suất mà bà Đ yêu cầu từ ngày 01/3/2019 cho đến nay với mức lãi suất 1% một tháng trên số tiền 3.630.000.000 đồng thì ông đề nghị bà Đ cho vợ chồng ông không phải thanh toán khoản tiền này vì hiện tại gia đình ông gặp nhiều khó khăn, nhưng bà Đ không đồng ý. Do đó, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu thanh toán tiền vay nhận thấy:

Đối với số tiền gốc: Bị đơn cung cấp hai hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng công chứng Suối Cát vào ngày 01/03/2016. Một hợp đồng vay tiền với nội dung vay số tiền 1.630.000.000 đồng, theo nguyên đơn đây là số tiền vay gốc mà bị đơn vay, còn bị đơn trình bày chỉ có 1.000.000.000 đồng là tiền vay gốc, còn lại 630.000.000 đồng là tiền lãi. Một hợp đồng có nội dung vay số tiền 2.000.000.000 đồng, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận đây là tiền vay gốc (do bị đơn không có tiền thanh toán tiền mua lại hạt điều nên thống nhất chuyển từ tiền mua bán hạt điều sang tiền vay). Nguyên đơn và bị đơn thừa nhận chữ ký trong hai hợp đồng trên là của mình. Bị đơn còn cung cấp một giấy hợp đồng vay tiền không có công chứng chứng thực ghi ngày 06/02/2016 trong giấy ghi nội dung bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 3.630.000.000 đồng, không thể hiện có tiền lãi cộng chung tiền gốc. Nguyên đơn cung cấp hợp đồng vay tiền ngày 01/3/2019, nội dung thể hiện bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 4.936.800.000 đồng, các bên đều thừa nhận số tiền này bao gồm khoản vay 1.630.000.000 đồng, tiền gốc của khoản vay quy từ mua bán hạt điều là 2.000.000.000 đồng còn số tiền 1.306.800.000 đồng là tiền lãi trên hai khoản tiền trên tính từ ngày 01/3/2016 cho đến ngày 01/3/2019 với mức lãi suất 1% một tháng.

Từ các chứng cứ trên xác định rằng, mặc dù bị đơn trình bày quá trình vay tiền có thanh toán tiền lãi và số tiền 630.000.000 đồng là tiền lãi của hai khoản vay chưa thanh toán được nên cộng vào tiền gốc, nhưng bị đơn không có chứng cứ nào để chứng minh cho lời khai của mình, các hợp đồng vay tiền mà bị đơn cung cấp cho Tòa án cũng không ghi nhận có tiền lãi trong tiền gốc, nguyên đơn cũng không thừa nhận vấn đề này. Do đó có căn cứ xác định số tiền gốc mà bị đơn vay của nguyên đơn là 3.630.000.000 đồng, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 3.630.000.000 đồng.

[4] Đối với khoản tiền lãi từ 01/3/2016 cho đến ngày 01/3/2019:

Vào ngày 01/3/2019 nguyên đơn và bị đơn ký vào hợp đồng vay tiền mới để xác nhận lại việc vay tiền và tiền lãi, do đó yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn vẫn còn thời hiệu khởi kiện. Đối với tiền 4.936.800.000 đồng ghi trong hợp đồng vay tiền ngày 01/3/2019, xét bản chất của hợp đồng này các bên ký kết để xác nhận lại số tiền gốc và tiền lãi, chứ không phải là khoản vay mới, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận khoản tiền này bao gồm: tiền gốc là 3.630.000.000 đồng, còn số tiền 1.306.800.000 đồng là tiền lãi trên tiền gốc trên tính từ ngày 01/3/2016 cho đến ngày 01/3/2019 với mức lãi suất 1% một tháng.

Theo quy định tại điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng.

2. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.”

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “...giao dịch dân sự đang thực hiện mà có nội dung, hình thức khác với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11”.

Giao dịch vay nợ giữa nguyên đơn và bị đơn nói trên được xác lập vào ngày 01/03/2016, các bên đã thỏa thuận mức lãi suất vay là 1%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật, vì căn cứ vào Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam của Thống đốc Ngân hàng nhà nước thì mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định là 9%/năm (0,75%/tháng).

Do đó, việc các đương sự thỏa thuận với nhau mức lãi suất 1% một tháng, tương ứng với 12% một năm là phù hợp với quy định của pháp luật.

Số tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn từ ngày 01/3/2016 cho đến ngày 01/3/2019 với mức lãi suất 1% một tháng được tính như sau: $3.630.000.000 \text{ đồng} \times (3 \text{ năm} \times 12\%) = 1.306.800.000 \text{ đồng}$.

Ngoài ra bị đơn cũng đồng ý thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền lãi 1.306.800.000 đồng từ 01/3/2016 cho đến ngày 01/3/2019 theo yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

[5] Đối với khoản tiền lãi từ ngày 01/3/2019 đến ngày 15/12/2020: Như đã phân tích ở trên số tiền gốc mà bị đơn vay của nguyên đơn là 3.630.000.000 đồng, do thời điểm các bên giao kết hợp đồng là ngày 01/3/2016 nên căn cứ quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để tính lãi suất. Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 01/3/2019 cho đến ngày 15/12/2020 với mức lãi suất 1% một tháng trên số tiền 3.630.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất quá hạn, xét giấy vay tiền ngày 01/3/2019 cũng ghi các bên thỏa thuận mức lãi suất 1% một tháng, bị đơn cũng thừa nhận đã thỏa thuận với nguyên đơn mức lãi suất này, tuy nhiên bị đơn đề nghị không thanh toán vì điều kiện khó khăn. Do đó, có căn cứ xác định các bên đã thỏa thuận mức lãi suất 1% một tháng trên số tiền vay, nên căn cứ vào điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền lãi tính từ ngày 01/3/2019 đến ngày 15/12/2020.

Số tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn từ ngày 01/3/2019 cho đến ngày 15/12/2020 được tính như sau:

$(3.630.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ năm} \times 12\%) + (3.630.000.000 \text{ đồng} \times 09 \text{ tháng} \times 1\%) + (3.630.000.000 \text{ đồng} \times 13 \text{ ngày} \times 0,033\%) = 435.600.000 \text{ đồng} + 326.700.000 \text{ đồng} + 15.572.700 \text{ đồng} = 777.872.700 \text{ đồng} - 32.000.000 \text{ đồng (tiền lãi mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn)} = 745.872.700 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: $3.630.000.000 \text{ đồng} + 1.306.800.000 \text{ đồng} + 745.872.700 \text{ đồng} = 5.682.672.700 \text{ đồng}.$

Từ những phân tích trên, có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về trách nhiệm trả nợ: ông P V H và bà C T T M là vợ chồng, cùng nhau vay tiền của bà H T Đ, do đó ông P V H và bà C T T M phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà H T Đ toàn bộ số tiền trên.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Án phí mà bị đơn phải chịu là: 113.682.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147; các Điều: 235, 264, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ: Điều 357, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H T Đ đối với bị đơn bà C T T M và ông P V H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà C T T M và ông P V H phải liên đới thanh toán cho bà H T Đ số tiền 5.682.672.700 đồng (Năm tỷ sáu trăm tám mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm đồng). Trong đó tiền gốc là 3.630.000.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng, tiền lãi tổng cộng là 2.052.672.700 đồng (Hai tỷ không trăm năm mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà C T T M và ông P V H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 113.682.000 đồng (Một trăm mười ba triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà H T Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.918.000 đồng (Năm mươi sáu triệu chín trăm mười tám nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0001842 ngày 12/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Hện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Bảo

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Bảo

